

Bản án số: 264/2026/DS-PT  
Ngày: 13-4-2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Tiến Hiệp

*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Thế Phương

Ông Nguyễn Đình Trung

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:** Bà Trần Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2026/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 19/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đồng Nai bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 155/2026/QĐPT-DS ngày 24/02/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trương Văn D – sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp P, xã T, tỉnh Đồng Nai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Phan Văn H – sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp G (xã P cũ), xã T, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:** Luật sư Phạm Văn N, sinh năm 1961, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ, địa chỉ: Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị T, số E đường L, xã L, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Ngô Thị Kim T1 – sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp P, xã T, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Phan Văn H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn ông **Trương Văn D** trình bày:

Ông **D** có quen biết ông **Phan Văn H**. Vào ngày 11/7/2014, ông **H** có vay của ông **D** số tiền 85 triệu đồng, lãi suất theo thỏa thuận 20%/năm, ông **D** đòi nhiều lần nhưng ông **H** chưa trả nợ. Sau đó ông **H** có xác nhận nợ theo “Giấy vay tiền” ngày 10/12/2024 và hẹn ngày 10/01/2025 trả tiền gốc và thỏa thuận lãi 1,5%/tháng (tính từ ngày 11/7/2014).

Ông **D** khởi kiện yêu cầu ông **H** có nghĩa vụ trả cho ông **D** số tiền gốc 85 triệu đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật cho đến khi giải quyết xong vụ án. Đối với số tiền vay là tài sản chung của ông và bà **Ngô Thị Kim T1** nên đề nghị Tòa án xem xét ông **H** có nghĩa vụ trả cho ông bà.

Tiền lãi tính như sau: Từ ngày 11/7/2014 đến 31/12/2016 là 85.000.000đ x 0,75%/tháng (tương ứng 9%/năm) x (02 năm 05 tháng 20 ngày), thành tiền là 18.912.500 đồng; từ ngày 01/01/2017 đến 10/01/2025 là 85.000.000đ x 1,5%/tháng (tương ứng 18%/năm) x (08 năm 00 tháng 09 ngày), thành tiền là 122.782.500 đồng; lãi quá hạn tính từ ngày 11/01/2025 đến ngày xét xử, tạm tính đến ngày 21/7/2025 là 85.000.000đ x 1,5%/tháng (tương ứng 18%/năm) x 150% (do lãi quá hạn) x (06 tháng 11 ngày), thành tiền là 12.112.500 đồng.

Tổng cộng: Tiền gốc và tiền lãi là 238.807.500 (hai trăm ba mươi tám triệu, tám trăm lẻ bảy nghìn, năm trăm) đồng. Ông **D** đề nghị tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

Tại lời khai trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa bị đơn ông **Phan Văn H** trình bày:

Ông **H** thừa nhận ông có nợ ông **D** theo “Giấy vay tiền” ngày 10/12/2024 do ông **H** viết ký tên xác nhận đối với số tiền 85 triệu đồng. Thực tế ông vay của ông **D** vào ngày 11/7/2014; lãi suất theo thỏa thuận 1,5%/tháng (trong giấy ghi 1,5 phần trăm năm là không chính xác). Do hoàn cảnh làm ăn đang gặp khó khăn nên ông chưa trả tiền cho ông **D**.

Ông **D** khởi kiện yêu cầu ông **H** có nghĩa vụ trả số tiền đã vay gốc là 85 triệu đồng và tiền lãi thì ông **H** đồng ý nhưng trả tiền gốc còn tiền lãi từ từ tính sau. Tại phiên tòa, ông **H** cho rằng việc vay tiền không có tính lãi nên không đồng ý trả lãi cho ông **D**.

Ông **H** và bà **Dương Thị Ngọc L** là vợ chồng đã ly hôn theo Bản án 05/2025/HNGĐ-ST ngày 10/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú. Đối với số nợ 85 triệu đồng theo giấy ông **D** khởi kiện thì ông **H** thừa nhận có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông **D** và bà **T1**. Bà **L** không có trách nhiệm trả nợ cho ông **D** cùng ông. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông **H** đề nghị Hội đồng xét xử xem xét liên quan trách nhiệm của bà **L** phải trả tiền cho ông **H**, bà **T1**.

Tại lời khai trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Ngô Thị Kim T1** trình bày:

Bà **T1** là vợ của ông **D**. Ông bà có cho ông **H** vay số tiền 85 triệu đồng nên ông **D** khởi kiện thì bà đồng ý và không có ý kiến gì khác.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 19/8/2025, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đồng Nai đã quyết định:*

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Điều 117, Điều 223, Điều 280, Điều 357, Điều 401, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trương Văn D** về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn ông **Phan Văn H**.

Buộc ông **Phan Văn H** có nghĩa vụ trả cho ông **Trương Văn D** và bà **Ngô Thị Kim T1** số tiền nợ gốc 85.000.000đ (**T2** mươi lăm triệu đồng) và tiền nợ lãi 155.592.500đ (Một trăm năm mươi lăm triệu năm trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng); tổng cộng là 240.592.500đ (Hai trăm bốn mươi triệu năm trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Ngoài ra Bản án còn tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 28/8/2025, bị đơn ông **Phan Văn H** kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

+ Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Tòa án từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 19/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đồng Nai

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông **Trương Văn D** và bị đơn ông **Phan Văn H** thừa nhận ngày 11/7/2014 ông **H** có vay tiền của ông **D** chưa trả. Ngày 10/12/2024, ông **H** có ký giấy “Giấy vay tiền” xác nhận khoản vay ngày 11/7/2014 đối với ông **D** với số tiền vay là 85 triệu đồng; ông **H** hẹn ngày 10/01/2025 sẽ trả tiền gốc và thỏa thuận lãi 1,5%/tháng (tính từ ngày 11/7/2014).

[2] Ông **H** cho rằng ông chỉ vay của ông **D** khoảng 65 triệu đến 75 triệu đồng nhưng ông không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh trong khi sau gần 10 năm vay ông chưa trả nợ cho ông **D**, hai bên đã tự nguyện thống nhất xác định khoản nợ cũ của ông **H** đối với ông **D** với số tiền 85 triệu đồng là hoàn toàn bình thường, không có biểu hiện nào cho thấy ông **H** bị ép buộc hay bị lừa dối. Tại phiên toà phúc thẩm người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng khoản vay này ông **H** vay trong thời kỳ hôn nhân với bà **Dương Thị Ngọc L** nên bà **L** phải có trách nhiệm trả nợ chung. Tuy nhiên, ông **H** không chứng minh được bà **L** cùng vay tiền hay khoản tiền này dùng để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình hoặc duy trì, phát triển kinh tế chung của gia đình. Thực tế chỉ một mình ông **H** xác nhận nợ với ông **D** và ông **D** cũng chỉ khởi kiện đòi nợ ông **H**. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông **H** còn nợ ông **D** (và vợ là bà **T1**) tiền nợ gốc 85 triệu đồng và phải chịu trách nhiệm trả nợ riêng là có căn cứ.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng cần xem xét thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp trong vụ án này. Xét thấy, các đương sự thừa nhận hợp đồng vay tài sản được giao kết ngày 11/7/2014. Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 10/12/2024, bên có nghĩa vụ là ông **H** đã ký “Giấy vay tiền” thừa nhận nghĩa vụ trả nợ của mình đối với ông **D**. Vì vậy, theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015, thời hiệu khởi kiện vụ án này được tính lại từ ngày 10/12/2024 nên ông **D** còn quyền khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông **D** là có căn cứ.

[4] Đối với tiền lãi:

Theo nội dung tại giấy “Giấy vay tiền” ngày 10/12/2024 và thừa nhận của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thì các bên thỏa thuận khoản tiền ông **H** vay của ông **D** với lãi suất 1,5%/tháng (tính từ ngày 11/7/2014). Sau đó ông **D** yêu cầu giảm lãi suất, cụ thể: tiền lãi tính trên nợ gốc 85 triệu đồng, (1) từ ngày 11/7/2014 đến 31/12/2016 là 0,75%/tháng (tương ứng 9%/năm) trong 02 năm 05 tháng 20 ngày, thành tiền là 18.912.500 đồng; (2) từ ngày 01/01/2017 đến 10/01/2025 là 1,5%/tháng (tương ứng 18%/năm) trong 08 năm 00 tháng 09 ngày, thành tiền là 122.782.500 đồng; (3) lãi quá hạn tính từ ngày 11/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/8/2025 là 1,5%/tháng (tương ứng 18%/năm) x 150% (do lãi quá hạn) trong 07 tháng 08 ngày, thành tiền là 13.897.500 đồng. Tổng cộng tiền lãi là 155.592.500 đồng. Xét lãi suất nguyên đơn yêu cầu là phù hợp

quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận khoản tiền lãi ông H phải trả cho ông D nêu trên là có căn cứ.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn D được chấp nhận nên bị đơn ông Phan Văn H phải chịu.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn H không được chấp nhận nên ông H phải chịu.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa là có căn cứ một phần, được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn H;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 19/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đồng Nai.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 184, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; khoản 2, khoản 4 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 117, 157, 223, 280, 357, 401, 429, 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn ông Phan Văn H.

1. Buộc ông Phan Văn H có nghĩa vụ trả cho ông Trương Văn D và bà Ngô Thị Kim T1 số tiền nợ gốc 85.000.000 đồng và tiền nợ lãi 155.592.500, tổng cộng là 240.592.500 (hai trăm bốn mươi triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm) đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Văn H phải chịu 12.030.000 (mười hai triệu, không trăm ba mươi nghìn) đồng.

Trả lại cho ông **Trương Văn D** số tiền 2.175.000 (*hai triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0020857 ngày 16/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Đồng Nai).

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn ông **Phan Văn H** phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021278 ngày 28/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

4. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.*

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thế Phương**

**Nguyễn Đình Trung**

**Phạm Tiên Hiệp**

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND khu vực 8 - Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 8 - Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Tiến Hiệp**